TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-PT
Ngày: 30 -3-2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyến**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Thành Dương**

Ông **Nguyễn Trung Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Trúc Thủy** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Hồng Uyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Ngọc R**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: 36/1, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông R: Luật sư **Vũ Văn T** – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 6F, Tổ 2, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh D.

- Bị đơn: Bà **Đinh Thị Ngọc A**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 113/3, Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà A: Luật sư **Trương Tiến D** – thuộc Công ty luật Trương Tiến D – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 306, đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ C**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 113/3, Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C gồm:

+ Luật sư **Đinh Công T** – thuộc văn phòng Luật sư Trường T – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 8/3, đường Nguyễn Du, Khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh D.

+ Luật sư **Trương Tiến D** – thuộc Công ty luật Trương Tiến D – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 306, đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh D.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Ngọc R; bị đơn bà Đinh Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ C.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

(Ông R, Luật sư T, Luật sư T có mặt. Bà A, ông C có đơn xin vắng mặt. Luật sư D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn ông Vũ Ngọc R và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Văn T trình bày:

Xuất phát từ sự quen biết, do vợ chồng bà A có nhu cầu vay vốn để đầu tư chăn nuôi, mua bán đất đai và trang trải nợ nần trong gia đình, nên ông R có cho bà A, ông C vay 4 lần tiền, gồm:

Lần 1: Ngày 10/10/2005, bà Đinh Thị Ngọc A vay của ông R 1.695.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 1,25%/tháng, thời hạn vay 1 năm (từ ngày 10/10/2005 đến 10/10/2006), giấy nhận nợ do bà Đinh Thị Ngọc A và ông Vũ C ký tên. Đến ngày 14/06/2006, bà A đã trả được 200.000.000đ tiền gốc, còn lại số nợ gốc là 1.495.000.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng). Tiền lãi của số tiền 1.695.000.000đ chưa trả tính từ ngày vay 10/10/2005 đến ngày 14/06/2006 là 8 tháng, nên tiền lãi được tính là: 8 tháng x 1.695.000.000đ x 1% = 135.600.000đ. Tiền lãi của số tiền 1.495.000.000đ chưa trả tính từ ngày 15/06/2006 đến nay là 132 tháng (15/06/2006 -15/05/2017 = 132 tháng), cụ thể là: 1.495.000.000 đ x 1% x 132 tháng = 1.973.400.000đ; Tổng cộng hai khoản tiền lãi là 135.600.000đ + 1.973.400.000đ = 2.108.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 10/10/2005 là: 1.495.000.000đ + 2.108.000.000đ = 3.603.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm linh ba triệu đồng).

Lần 2: Ngày 05/02/2007, bà Đinh Thị Ngọc A vay của ông R 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/ tháng, thời hạn vay 1 năm, tức đến tết âm lịch 2008 hứa trả, giấy cam kết do bà A và ông C ký tên, nhưng đến hẹn bà A không trả tiền gốc và tiền lãi. Tính đến nay là 123 tháng (05/02/2007 - 05/05/2017 = 123 tháng), nên khoản tiền lãi được tính là:150.000.000 đ x 1%/ x 123 tháng = 184.500.000đ**.**

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi lần 2 là 150.000.000đ +184.500.000đ =334.500.000đ (Ba trăm ba mươi tư triệu, năm trăm ngàn đồng).

Lần 3: Ngày 22/03/2007, bà Đinh Thị Ngọc A vay của ông R 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay để bà A đảo khế ngân hàng, lãi xuất theo thỏa thuận 1,25%/ tháng, thời hạn vay 02 ngày (từ ngày 22/3/2007 đến ngày 24/3/2007), giấy nhận nợ do bà A ký tên, nhưng đến hẹn bà A không trả tiền gốc và lãi. Tính đến nay là 122 tháng (22/03/2007 - 22/05/2017 = 122 tháng), nên khoản tiền lãi được tính là 200.000.000đ x 1% x 122 tháng = 244.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi của lần 3 là 200.000.000đ + 244.000.000đ = 444.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Lần 4: Ngày 24/09/2008, bà Đinh Thị Ngọc A vay của ông R 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay để bà A đáo hạn ngân hàng, lãi xuất thỏa thuận miệng là 1,25%/ tháng, thời hạn vay 17 ngày (từ ngày 24/9/2008 đến ngày 11/10/2008), giấy bên nhận do bà A ký tên, nhưng đến hẹn bà A không trả tiền gốc và lãi. Tính đến nay là 104 tháng (24/09/2008 - 24/05/2017 = 104 tháng), nên khoản tiền lãi được tính là 100.000.000 đ x 1% x 104 tháng = 104.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi lần 4 là 100.000.000đ + 104.000.000đ = 204.000.000đ (Hai trăm linh bốn triệu đồng).

Qua 4 lần vay nêu trên, bà A và ông C không thế chấp tài sản gì cho ông R. Đến nay số tiền gốc mà bà A, ông C còn nợ ông R là 1.945.000.000đ và số tiền lãi là 2.640.500.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 4.585.500.000đ (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng).

Nay, ông T đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Đinh Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ C (chồng bà A) phải có nghĩa vụ trả cho ông R số tiền là: 4.585.500.000đ (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 1.945.000.000đ và tiền lãi là 2.640.500.000đ.

- Bị đơn bà Đinh Thị Ngọc A trình bày:

Bà và ông Vũ C là vợ chồng và là khách hàng vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân T, do trước đây ông Vũ Ngọc R làm giám đốc của Quỹ tín dụng nhân dân T, nên vợ chồng bà có biết ông R. Bà A xác định từ năm 2005 đến năm 2008, vợ chồng bà có vay nợ của ông R số tiền nợ gốc như ông R trình bày như trên, mục đích vay chủ yếu để đảo khế và để đáo hạn trả nợ ngân hàng. Các tờ giấy nhận nợ, giấy cam kết nhận nợ theo bên nguyên đơn trình bày ở phần trên, bà A xác nhận có chữ ký của vợ chồng bà là đúng. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền nợ theo 04 tờ giấy nhận nợ theo ông R trình bày, bà xác định vợ chồng bà đã trả hết cho ông R tiền gốc và lãi, hiện nay không còn nợ khoản tiền nào của ông R nữa.

Để chứng minh cho việc vợ chồng bà đã trả hết nợ, bà A cho rằng đã được thể hiện qua các giấy biên nhận nợ mà ông R cung cấp cho Tòa án. Bởi vì, khi vay tiền thì bà có thế chấp cho ông R các giấy tờ như: Giấy đăng ký nhà ở, đất ở *(lúc đó đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân T)*; thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(theo giấy nợ ngày 10/10/2007 và ngày 22/3/2007)* hoặc bằng việc cam kết sẽ sang nhượng trang trại chăn nuôi heo của vợ chồng bà tại huyện V *(theo giấy cam kết ngày 05/02/2007)*. Nếu ông R cho rằng vợ chồng bà chưa trả nợ thì

ông R phải xuất trình được các giấy tờ thế chấp nêu trên hoặc nếu như vợ chồng bà không trả cho ông R thì tại sao trang trại chăn nuôi heo tại huyện V vẫn thuộc chủ quyền của vợ chồng bà như hiện nay.

Do vợ chồng bà đã lấy được các giấy tờ thế chấp như bà đã trình bày phần trên, nên 04 tờ giấy nhận nợ bà nghĩ không còn quan trọng nữa nên không yêu cầu ông R trả lại hoặc hủy bỏ, đến nay đã hơn 10 năm mà ông R mới khởi kiện là không có căn cứ. Nay ông R cho rằng vợ chồng bà còn nợ tổng số tiền gốc và tiền lãi 4.585.500.000đ (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng) là không đúng, nên bà không đồng ý.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ C (là chồng của bà A) thống nhất và đồng ý với các nội dung của bà Đinh Thị Ngọc A trình bày như phần trên, ông C không bổ sung nội dung nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ C (là chồng của bà A) trình bày: Thống nhất và đồng ý với các nội dung của bà Đinh Thị Ngọc A trình bày như phần trên, ông C không bổ sung nội dung nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai :

- Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng Điều 688; Điều 429; khoản 2 Điều 155; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc R về việc "tranh chấp đòi lại tài sản".

1. Buộc bà Đinh Thị Ngọc A và ông Vũ C cùng có nghĩa vụ phải trả cho ông Vũ Ngọc R số tiền 1.945.000.000đồng *(Một tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng)*.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc R về khoản tiền lãi 2.640.500.000đ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Đinh Thị Ngọc A và ông Vũ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá với số tiền là 70.350.000đ *(Bảy mươi triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- Miễn tiền án phí cho ông Vũ Ngọc R theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Ngày 15/10/2018, nguyên đơn ông Vũ Ngọc R kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm để tính khoản tiền lãi 2.640.500.000đ từ tiền gốc 1.945.000.000đ mà bị đơn bà A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đã vay để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn

* Ngày 08/10/2019, bị đơn bà Đinh Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc R.

Ngày 26/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định kháng nghị số 341/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Bản án sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện là không đúng quy định tại Điều 149 BLDS 2015 và áp dụng điều luật, Nghị quyết chưa chính xác. Đề nghị sửa án bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng: Việc bà A, ông C vay tiền của ông R là có thật . Quá trình vay có làm giấy vay tiền, giấy nhận nợ và ông C bà A thừa nhận vay và thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong các giấy vay tiền , giấy nhận nợ. Trong giấy vay tiền có ghi tài sản thế chấp và việc bán trại heo nhưng do giấy tờ tài sản đang thế chấp ở quỹ tín dụng nên thực tế ông R không giữ và chưa thực hiện việc bán trại heo . Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà A, ông C trả nợ cho ông R là có căn cứ . Tuy nhiên, ông R còn khởi kiện đòi số tiền lãi của toàn bộ số tiền nợ mà bà A, ông chưa trả . Quá trình tiến hành tố tụng , các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu đòi lãi của ông R là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Rũng , sửa án sơ thẩm , buộc bà A, ông C trả số tiền lãi như ông C kiện đòi.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ C cho rằng : Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng thể hiện, ông R không ủy quyền cho ông T tham gia các buổi công khai chứng cứ nhưng Tòa án vẫn chấp nhận ông T là đại diện cho ông R tham gia việc công khai chứn g cứ tại Tòa án . Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án có lấy lời khai các nhân chứng nhưng bản án không ghi các nhân chứng. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, luật sư của bị đơn và của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến xin hoãn phiên tòa vì bà A đang nhập viện điều trị bệnh nhưng Tòa án không xác minh, không hoãn phiên tòa. Theo kết quả xác minh tại cấp phúc thẩm thể hiện , ngày xét xử sơ thẩm , bà A đang nằm điều trị tại bệ nh viện nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà A, ông C là không đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Việc bà A vay tiền của ông R là có thật nhưng bà A đã trả hết thể hiện là ông R không còn giữ tài sản thế chấp và hơn 10 năm nay ông R không kiện đòi. Cấp sơ thẩm không thu thập được hồ sơ thế chấp ở quỹ tín dụng mà chỉ lấy lời khai các nhân chứng là nhân viên ở quỹ tín dụng trong khi ông R từng làm ở quỹ tín dụng nhiều năm nên lời kha i của các nhân chứng là không đảm bảo khách quan. Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề

nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm , chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã có mặt tại phiên tòa và t hực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung kháng cáo , kháng nghị của Viện kiểm sát: Bản án sơ thẩm áp dụng thời hiệu để khô ng chấp nhận yêu cầu của ông R buộc bị đơn trả lãi khi không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu là không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho quyền lợi của ông R . Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông R và kháng nghị của Viện kiểm sát , sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà A, ông C trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông R.

Đối với kháng cáo của bà A và ông C, bà A, ông C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm bác y êu cầu khởi kiện của ông R là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Đương sự kháng cáo sửa án nhưng Luật sư lại yêu cầu hủy án sơ thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

[1] Về thủ tục, kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai , Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà A và ông C có mặt và có ý kiến đề nghị hoãn phiên tòa vì bà A nằm bệnh viện không thể dự phiên tòa nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Tòa án xét xử vắng mặt bà A, ông C là đúng quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quá trình tiến hành tố tụng tại cấp phúc thẩm, chứng cứ thu thập tại bệnh viện đa khoa khu vực Thống N hất thì bà A nhập viện và điều trị tại bệnh viện vào các ngày từ 25/9/2018 – 01/10/2018 tức là trùng ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2018. Như vậy, việc bà A, ông C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm là vì trở ngại khách quan, thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 2 của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự . Đây là tình tiết mới phải hủy bản án sơ thẩm để mở lại phiên tòa nhằm đảm bảo quyền tranh tụng cho đương sự . Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C yêu cầu hủy án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận . Do vậy, không thể xem xét quan điểm đề nghị sửa án sơ thẩm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Ông R, bà A, ông C không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 63/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Vũ Ngọc R với bị đơn bà Đinh Thị Ngọc A.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Ông R, bà A, ông C không phải chịu án phí DSPT. Hoàn trả bà A, ông C mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 009430 và biên lai thu số 009429 ngày 10/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Tuyến